

CẬP NHẬT KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM



Nguồn ảnh: VN Express

CÓ GÌ MỚI?

- Nền kinh tế Việt Nam đạt mức tăng trưởng 5,3% (so cùng kỳ) trong quý 3-2023 so với 4,1% (so cùng kỳ) trong Quý 2-2023, do sản xuất công nghiệp dần phục hồi, phản ánh sự cải thiện trong xuất khẩu. Tuy nhiên, mức tăng trưởng hàng quý giảm nhẹ xuống 2,95% (q/q, SA) trong Quý 3; từ mức 3,08% (q/q, SA) trong Quý 2.
- Khu vực dịch vụ vẫn là khu vực đóng góp chính cho tăng trưởng (đóng góp 2,7 điểm phần trăm) trong Quý 3-2023. Mặc dù tốc độ tăng trưởng của doanh số bán lẻ hàng hóa vẫn ở mức khoảng 50% (6,6% so với cùng kỳ trong quý 3-2023) so với thời kỳ trước Covid (13-14% so với cùng kỳ), doanh số bán dịch vụ vẫn duy trì ở mức ổn định (9,5% so với cùng kỳ, y/y vào Quý 3-2023) nhờ sự quay trở lại của khách du lịch quốc tế. Đóng góp vào tăng trưởng GDP của ngành tăng nhanh lên 1,9 điểm phần trăm trong Quý 3, so với mức tương ứng 0,8 và -0,1 điểm phần trăm trong Quý 2 và Quý 1.
- Xuất khẩu và nhập khẩu tiếp tục giảm tương ứng 1,2% (so cùng kỳ) và 5,0% (so cùng kỳ) trong Quý 3-2023. Tuy nhiên, mức độ thu hẹp này nhẹ hơn nhiều so với hai quý trước, do hiệu suất hàng tháng liên tục được cải thiện – bao gồm cả xuất khẩu nông sản, dệt may, điện tử, điện thoại thông minh và vật liệu xây dựng.
- Lạm phát toàn phần tiếp tục tăng mạnh kể từ tháng 6, tăng 1,13% (m/m, SA) và đạt 3,7% (so cùng kỳ) trong tháng 9 - tăng 0,7 điểm phần trăm so với tháng 8. Lạm phát tiếp tục được thúc đẩy bởi giá lương thực, thực phẩm và nhà ở, cộng thêm áp lực lạm phát từ việc tăng giá năng lượng và giáo dục. Lạm phát cơ bản giảm từ 4,0% (so cùng kỳ) trong tháng 8 xuống còn 3,8% (so cùng kỳ) trong tháng 9.
- Cả cam kết FDI và giải ngân vẫn ở mức cao, tương ứng đạt 20,2 tỷ USD và 15,9 tỷ USD trong 9 tháng đầu năm 2023. Con số này tăng tương ứng 31% và 3% so với cùng kỳ năm 2022. Các cam kết FDI mới phản ánh niềm tin tiếp tục của nhà đầu tư nước ngoài quan tâm đến tiềm năng của Việt Nam bất chấp những bất ổn toàn cầu
- Tăng trưởng tín dụng giảm tốc từ 9,4% (so cùng kỳ) vào tháng 8 năm 2023 xuống còn 8,7% (so cùng kỳ) trong tháng 9 phản ánh tình trạng đầu tư tư nhân (bao gồm cả lĩnh vực bất động sản) tiếp tục chậm lại.
- Ngân sách bị thâm hụt trong chín tháng đầu năm 2023. Thu ngân sách giảm 7,8% (so với cùng kỳ) trong khi việc thực hiện ngân sách tăng 14,1% (so cùng kỳ), dẫn đến mức thâm hụt nhỏ là 0,7 tỷ USD (0,3% GDP). Giải ngân đầu tư công trong giai đoạn này tăng 45,3% (so cùng kỳ) nhưng vẫn chỉ đạt 48% kế hoạch vốn ngân sách đã được Quốc hội phê duyệt cho năm 2023.

CẦN THEO DÕI

- Trong khi tăng trưởng kinh tế khởi sắc trong Quý 3-2023 nhờ xuất khẩu dần phục hồi, tiêu dùng trong nước vẫn yếu và tăng trưởng tín dụng tiếp tục tăng trưởng chậm, phản ánh đầu tư tư nhân trong nước và niềm tin của nhà đầu tư yếu. Xu hướng lạm phát tăng mạnh tiếp tục cần được theo dõi chặt chẽ. Những nỗ lực tiếp tục thực hiện đầu tư công có thể hỗ trợ tổng cầu và tăng trưởng kinh tế trong ngắn hạn. Một danh mục đầu tư chiến lược và được chuẩn bị kỹ lưỡng cho năm 2024 và Kế hoạch đầu tư công trung hạn tiếp theo với trọng tâm là cơ sở hạ tầng xanh, có khả năng chống chịu và hạ tầng liên vùng sẽ giúp thúc đẩy phát triển kinh tế dài hạn. Cải thiện hơn nữa môi trường kinh doanh và đẩy mạnh đầu tư vào nguồn nhân lực (đặc biệt là kỹ năng công nghệ cao) sẽ giúp Việt Nam thu hút FDI công nghệ cao, có giá trị gia tăng cao và tăng năng suất trong dài hạn.

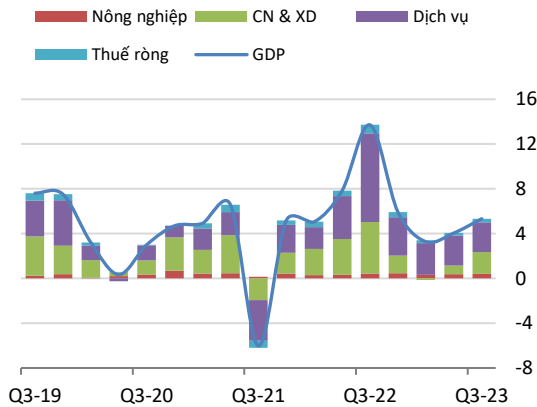
NHỮNG DIỄN BIẾN KINH TẾ GẦN ĐÂY

Tăng trưởng GDP khởi sắc trong quý 3-2023 nhờ khu vực công nghiệp phục hồi.

GDP của Việt Nam tăng 5,3% (so cùng kỳ) trong Quý 3-2023, tăng từ mức 4,1% (so cùng kỳ) và 3,3% (so cùng kỳ) tương ứng trong quý 2 và quý 1 (Hình 1). Tuy nhiên, mức tăng trưởng theo quý giảm nhẹ xuống mức 2.95% (q/q, SA) trong quý 3, từ mức 3.08% (q/q, SA) trong quý 2. Tăng trưởng trong quý 3-2023 là do khu vực công nghiệp đang dần phục hồi (Hình 2), đóng góp 1,9 điểm phần trăm vào GDP (so với 0,8 điểm phần trăm và -0,1 điểm phần trăm tương ứng trong quý 2 và quý 1). Sự phục hồi trong sản xuất công nghiệp phản ánh sự cải thiện liên tục trong xuất khẩu hàng hóa kể từ tháng 5/2023 (Hình 5). Trong quý 3-2023, khu vực dịch vụ và nông nghiệp tăng trưởng tương ứng là 6,2% (so cùng kỳ) và 3,7% (so cùng kỳ). Hai khu vực này tương ứng đóng góp 2,7 và 0,4 điểm phần trăm vào tăng trưởng GDP trong quý 3-2023. Tốc độ tăng trưởng và đóng góp này tương đương với hai quý trước.

Hình 1: Tăng trưởng GDP

Điểm phần trăm (so cùng kỳ năm trước, NSA)

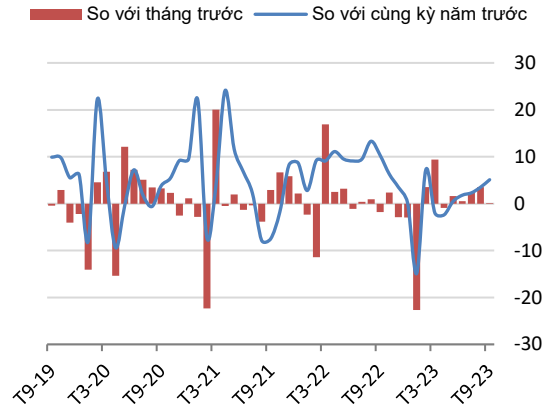


Sản xuất công nghiệp tiếp tục cải thiện trong quý 3-2023.

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ghi nhận mức tăng trưởng hàng tháng dương thứ năm trong tháng 9 (0,1% m/m) kể từ tháng 5 năm 2023 (Hình 2). IIP tăng 3,5% (so cùng kỳ) trong Q3-2023, so với -0,2% (so cùng kỳ) trong Q2-2023 và -2,6% (so cùng kỳ) trong Q1-2023, được hỗ trợ bởi tăng trưởng các lĩnh vực sản xuất trong nước và định hướng xuất khẩu như chế biến thực phẩm (9,0%, so với cùng kỳ), dệt may (14,4%, so cùng kỳ), sản phẩm đồ nội thất (17,8%, so cùng kỳ), kim loại (thép và nhôm) (16,9%, so với cùng kỳ), LNG và phân bón (12,6%, so với cùng kỳ). Tuy nhiên, Chỉ số Nhà quản lý Mua hàng (PMI) đã quay trở lại vùng suy giảm (49,7) vào tháng 9 sau đợt phục hồi ngắn trong tháng 8 lên trên mốc 50 (50,5), cho thấy sự bất định vẫn tiếp diễn trên con đường phục hồi (Hình 3).

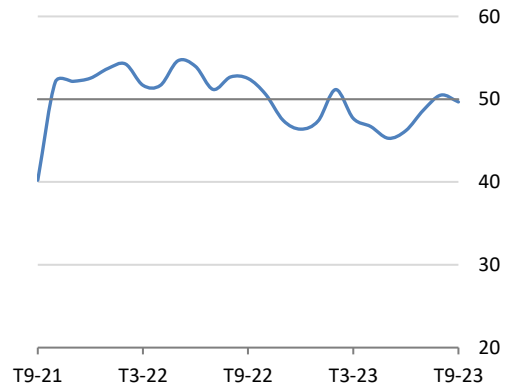
Hình 2: Chỉ số sản xuất công nghiệp

Phần trăm thay đổi (NSA)



Hình 3: Chỉ số nhà quản lý mua hàng

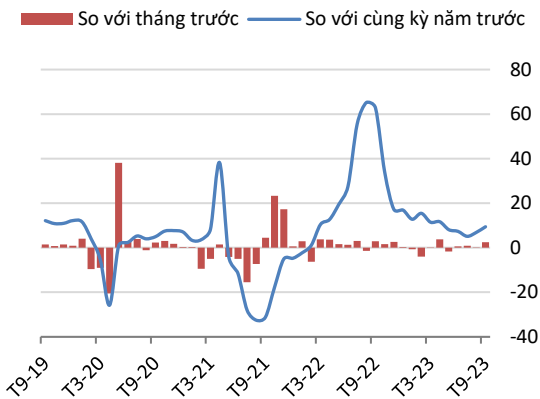
50+ = Mở rộng (SA)



Doanh số bán lẻ hàng hóa tiếp tục trầm lắng.

Doanh số bán lẻ hàng hóa và dịch vụ (NSA) tăng 2,4% (m/m) và 9,4% (so cùng kỳ) vào tháng 9 năm 2023, thấp hơn nhiều so với mức trước đại dịch (11 – 12%), phản ánh nhu cầu trong nước khá trầm lắng (Hình **Error! Not a valid bookmark self-reference.**4). Chiếm 78% doanh số bán lẻ, doanh số bán hàng hóa tăng 2,1% (m/m) và 7,4% (so cùng kỳ) trong tháng 9 – tương ứng khoảng 54% mức tăng trưởng trước đại dịch (13-14 phần trăm). Trong khi đó, doanh thu dịch vụ khách sạn, nhà hàng và du lịch tăng 3,6% (m/m) và 15,2% (so cùng kỳ), nhờ nhu cầu dịch vụ tăng mạnh do khách du lịch quốc tế tiếp tục quay trở lại Việt Nam (1,05 triệu du khách vào tháng 9 năm 2023, tăng trưởng 244,1 phần trăm so với cùng kỳ năm trước).

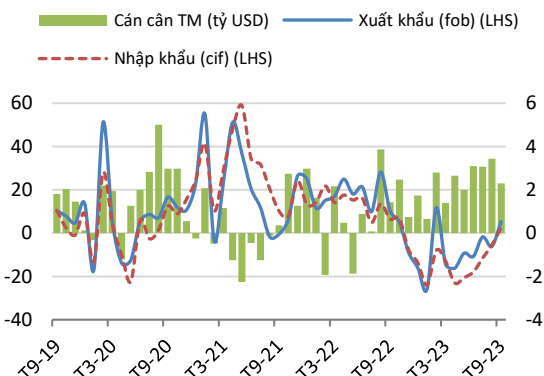
Hình 4: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng
Phần trăm thay đổi (NSA)



Xuất khẩu và nhập khẩu hàng tháng tăng trưởng dương lần đầu tiên kể từ tháng 11 năm 2022.

Xuất khẩu và nhập khẩu tăng tương ứng 5,3% (so cùng kỳ) và 2,6% (so cùng kỳ) vào tháng 9 năm 2023, sau 10 tháng suy giảm (Hình 5). Điều này phản ánh sự cải thiện về nhu cầu bên ngoài, cho thấy sự suy giảm trong thương mại hàng hóa đã chạm đáy. Do vậy, sự suy giảm trong xuất khẩu và nhập khẩu cũng được thu hẹp trong Quý 3-2023 xuống tương ứng mức -1,2% (so cùng kỳ) và -5,0% (so cùng kỳ), so với mức tương ứng -12,2% (so cùng kỳ) và -20,6 (so với cùng kỳ) trong quý 2-2023. Sự cải thiện được thể hiện rõ ở xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp như gạo (156% so với cùng kỳ), dệt may (121,7% so với cùng kỳ), điện tử và máy tính (110,7% so với cùng kỳ). Cán cân thương mại hàng hóa tổng thể đạt thặng dư 2,3 tỷ USD vào tháng 9 năm 2023 và 21,4 tỷ USD trong 9 tháng đầu năm do xuất khẩu giảm ít hơn nhập khẩu (Hình 5). Bên cạnh đó, nhập khẩu đang phục hồi nhanh hơn xuất khẩu, báo hiệu các doanh nghiệp đang mong đợi mở rộng sản xuất hơn nữa. Từ tháng 4 đến tháng 9 năm 2023, tốc độ tăng trưởng hàng tháng của xuất khẩu được cải thiện từ -16,2% (so cùng kỳ) lên +5,3 phần trăm (so cùng kỳ), trong khi tốc độ tăng trưởng đối với nhập khẩu được cải thiện từ -23,1 phần trăm (so cùng kỳ) lên +2,6 phần trăm (so cùng kỳ). Theo khảo sát của S&P Global tại Việt Nam, số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu tăng trong cả tháng 8 và tháng 9, đặc biệt là từ các thị trường châu Á.

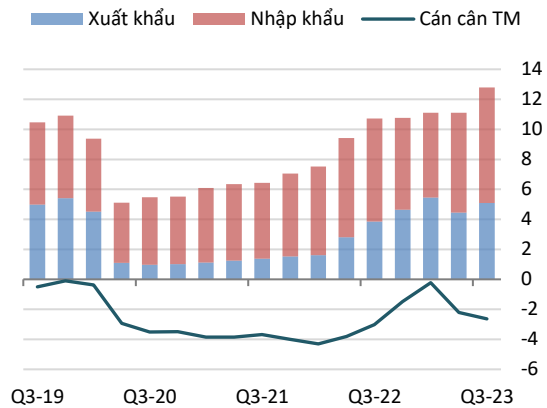
Hình 5: Thương mại hàng hóa
Tỷ USD, phần trăm (so cùng kỳ, NSA)



Thâm hụt cán cân thương mại dịch vụ tiếp tục gia tăng trong quý 3-2023 so với hai quý trước.

Cán cân thương mại dịch vụ thâm hụt tương đối lớn (2,6 tỷ USD) trong quý 3-2023 so với hai quý trước (Hình 6). Điều này phần lớn là do xuất khẩu dịch vụ chững lại trong khi nhập khẩu dịch vụ tiếp tục phục hồi. Tốc độ tăng trưởng của khách quốc tế đến Việt Nam giảm tốc từ 280% (so cùng kỳ) trong quý 2-2023 xuống còn 125% (so cùng kỳ) trong quý 3-2023. Đồng thời, nhập khẩu dịch vụ vận tải tăng 5,1% (so cùng kỳ) trong quý 3-2023 do hoạt động thương mại dần phục hồi.

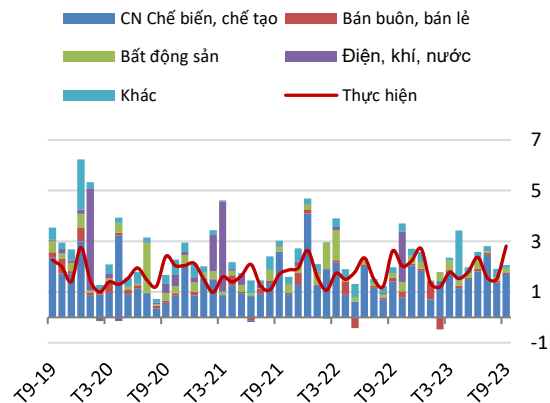
Hình 6: Thương mại dịch vụ
Tỷ USD (NSA)



Cả cam kết FDI và giải ngân đều ổn định.

Cam kết FDI lũy kế trong 9 tháng đầu năm 2023 lên tới 20,2 tỷ USD, tăng 31% (so cùng kỳ). Giải ngân lũy kế FDI đạt 15,9 tỷ USD, tăng 3% so với một năm trước đó. Sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo vẫn là lĩnh vực chính thu hút cam kết FDI vào Việt Nam (Hình 7). Bên cạnh lòng tin của các nhà đầu tư vào tiềm năng tăng trưởng trong dài hạn của đất nước (bất chấp sự bất định toàn cầu trong ngắn hạn), Việt Nam dường như còn được hưởng lợi từ chiến lược đầu tư "Trung Quốc +1".

Hình 7: Đầu tư trực tiếp nước ngoài theo ngành
Tỷ USD (NSA)

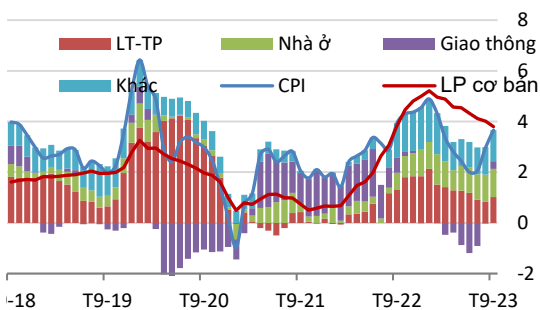


Lạm phát CPI tiếp tục tăng trong khi lạm phát cơ bản giảm hơn nữa trong tháng 9.

Lạm phát Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 1,13% (m/m, SA) trong tháng 9, do đó tăng từ 3,0% (so cùng kỳ) trong tháng 8

lên 3,7% (so cùng kỳ) vào tháng 9 năm 2023, tiếp tục xu hướng tăng mạnh kể từ tháng sáu. Lạm phát tăng khá mạnh do giá lương thực, thực phẩm cũng như nhà ở và vật liệu xây dựng tăng cao. Ngoài ra, giá dịch vụ vận tải đã đóng góp 0,3 điểm phần trăm vào lạm phát CPI do đợt tăng giá dầu mới được ghi nhận trong thời gian từ tháng 7 đến tháng 9 năm 2023. Giá dịch vụ giáo dục cũng tăng 7,6% (so cùng kỳ) trong tháng 9, trên cơ sở tiếp tục triển khai Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ về điều chỉnh học phí của các cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Ngược lại với lạm phát CPI, lạm phát cơ bản (không bao gồm lương thực, nhiên liệu và giá do chính phủ quản lý) tiếp tục giảm từ 4,0% (so cùng kỳ) vào tháng 8 năm 2023 xuống còn 3,8% (so cùng kỳ) vào tháng 9 (Hình 8), Hình ảnh sự tiêu tan tác động truyền dẫn của cú sốc giá dầu quốc tế đầu tiên vào năm 2022, liên quan đến sự bùng nổ chiến sự ở Ukraine.

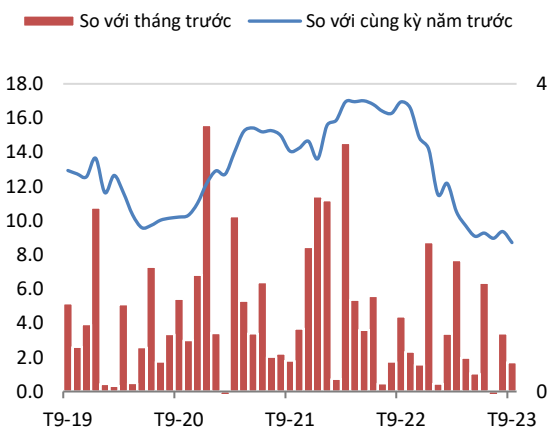
Hình 8: Đóng góp vào tốc độ tăng CPI
Điểm phần trăm (so cùng kỳ năm trước)



Tăng trưởng tín dụng vẫn ở mức thấp.

Tăng trưởng tín dụng tiếp tục xu hướng giảm kể từ tháng 2 năm 2023, giảm tốc từ 9,4% (so cùng kỳ) trong tháng 8 xuống còn 8,7% (so cùng kỳ) trong tháng 9 – giảm sâu hơn dưới mức trước đại dịch (Hình 9). Sự giảm tốc này, trong bối cảnh thanh khoản thị trường dồi dào và môi trường lãi suất thấp hơn, phản ánh sự sụt giảm liên tục về nhu cầu tín dụng tiêu dùng, nhà ở và các hoạt động đầu tư của khu vực tư nhân (đặc biệt là trong lĩnh vực bất động sản).

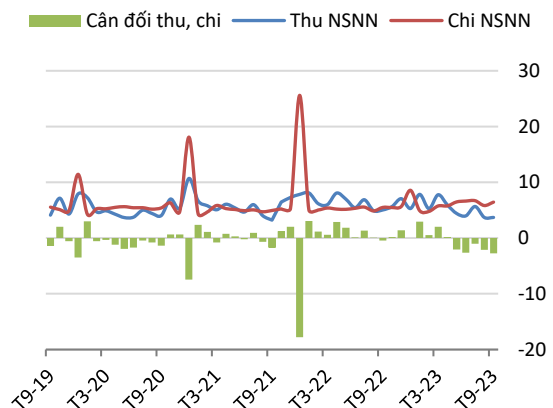
Hình 9: Tăng trưởng tín dụng
Phần trăm thay đổi (NSA)



Trong bối cảnh nguồn thu suy yếu, đầu tư công tiếp tục tăng.

Nghân sách nhà nước ghi nhận mức thâm hụt 5,9 tỷ USD trong Quý 3-2023, so với mức thâm hụt 4,6 tỷ USD trong Quý 2 (Hình 10). Trong 9 tháng, cân đối ngân sách nhà nước thâm hụt nhẹ ở mức 0,7 tỷ USD (khoảng 0,3% GDP trong cùng kỳ). Sự suy giảm trong các hoạt động kinh tế tiếp tục có tác động bất lợi đến nguồn thu ngân sách. Trong 9 tháng năm 2023, tổng thu ngân sách đạt 50,9 tỷ USD, bằng 75,5% dự toán và thấp hơn 7,8% so với cùng kỳ năm 2022. Phản ánh nỗ lực của Chính phủ nhằm hỗ trợ nền kinh tế, việc thực hiện ngân sách trong 9 tháng năm 2023 đạt 51,6 tỷ USD, đạt 59,7% dự toán năm 2023, cao hơn 14,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, giải ngân vốn đầu tư công 9 tháng năm 2023 cao hơn 45,3% so với cùng kỳ năm 2022, tuy nhiên vẫn chỉ đạt 48% dự toán ngân sách được Quốc hội phê chuẩn cho năm 2023. Một số vấn đề nhức nhối tiếp tục cản trở việc giải ngân kịp thời vốn đầu tư công. Những vấn đề này bao gồm thủ tục phê duyệt và mua sắm kéo dài, quá trình ra quyết định chậm và ngại rủi ro, vướng mắc trong thu hồi đất và tái định cư, cũng như thiếu các vật liệu xây dựng quan trọng như đá và cát.

Hình 10: Thu chi ngân sách
Tỷ USD



Cần theo dõi: Trong khi tăng trưởng kinh tế khởi sắc trong Quý 3-2023 nhờ xuất khẩu dần phục hồi, tiêu dùng trong nước vẫn yếu và tăng trưởng tín dụng tiếp tục tăng trưởng chậm, phản ánh đầu tư tư nhân trong nước và niềm tin của nhà đầu tư yếu. Xu hướng lạm phát tăng mạnh tiếp tục cần được theo dõi chặt chẽ. Những nỗ lực tiếp tục thực hiện đầu tư công có thể hỗ trợ tổng cầu và tăng trưởng kinh tế trong ngắn hạn. Một danh mục đầu tư chiến lược và được chuẩn bị kỹ lưỡng cho năm 2024 và Kế hoạch đầu tư công trung hạn tiếp theo với trọng tâm là cơ sở hạ tầng xanh, có khả năng chống chịu và hạ tầng liên vùng sẽ giúp thúc đẩy phát triển kinh tế dài hạn. Cải thiện hơn nữa môi trường kinh doanh và đẩy mạnh đầu tư vào nguồn nhân lực (đặc biệt là kỹ năng công nghệ cao) sẽ giúp Việt Nam thu hút FDI công nghệ cao, có giá trị gia tăng cao và tăng năng suất trong dài hạn.

Nguồn số liệu và ghi chú:

Tất cả số liệu đều được lấy từ Haver và lấy từ Tổng cục Thống kê, Chính phủ Việt Nam, ngoại trừ: thu chi ngân sách Chính phủ (Bộ Tài chính), FDI (Bộ KHĐT); PMI và lạm phát giá sản xuất (khảo sát của S&P Global, Nikkei và IHS Markit; Chỉ số

nhà quản lý mua hàng được lấy từ khảo sát 400 công ty sản xuất và dựa trên năm chỉ số riêng lẻ về số lượng đơn đặt hàng mới, sản lượng, việc làm, thời gian giao hàng của nhà cung cấp và tồn kho các mặt hàng đã mua). Chỉ số này đã được điều chỉnh theo mùa. Chỉ số trên 50 cho thấy sự mở rộng của lĩnh vực sản xuất so với tháng trước, dưới 50 thể hiện sự thu hẹp, trong khi 50 cho thấy không có thay đổi); dữ liệu ngành tài chính, trong đó có thông tin tín dụng (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam); tăng trưởng tín dụng trong thời gian từ tháng 7 đến tháng 9 năm 2023 (được nhân viên Ngân hàng Thế giới tính toán dựa trên dữ liệu từ tin địa phương).

SA = Điều chỉnh theo mùa vụ; NSA = Không được điều chỉnh theo mùa vụ; LHS = Thang đo bên trái; RHS = Thang đo bên phải; FOB = Giao hàng trên tàu; CIF = Chi phí, bảo hiểm và cước vận chuyển.